

Số: 04/2014/TT-BCA

Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2014

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm

Căn cứ Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 109/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;

Căn cứ Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23/4/2009 về vật liệu nổ công nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 54/2012/NĐ-CP ngày 22/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự; an toàn xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm (sau đây viết gọn là Thông tư số 35/2010/TT-BCA),

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2010/TT-BCA ngày 11/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp và hàng nguy hiểm

1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 3 như sau:

“3. Vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp là hoạt động vận chuyển các sản phẩm, nguyên liệu được quy định tại Khoản 1 Điều này từ địa điểm này đến địa điểm khác.”

2. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 4. Điều kiện để được cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

Tổ chức, đơn vị vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải có các điều kiện sau đây:

1. Có phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Có đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật về giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa; có giấy chứng nhận đủ điều kiện vận chuyển hàng nguy hiểm do cơ quan đăng kiểm cấp;

b) Đáp ứng quy định của Quy chuẩn QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;

c) Đáp ứng các điều kiện về an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04/4/2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012;

d) Có biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Có người quản lý, người điều khiển phương tiện, áp tải và người phục vụ khác có liên quan đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Đủ 18 tuổi trở lên, có lý lịch rõ ràng, không có tiền án, tiền sự (bản khai lý lịch phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan công tác). Đối với người điều khiển phương tiện phải có giấy phép lái xe, lái tàu hoặc bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với phương tiện đăng ký vận chuyển;

b) Có giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy do cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có thẩm quyền cấp; giấy chứng nhận tập huấn kiến thức về vật liệu nổ công nghiệp và các biện pháp bảo đảm an toàn khi tiếp xúc với vật liệu nổ công nghiệp do cơ quan quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp có thẩm quyền cấp;

c) Có trình độ chuyên môn tương xứng với vị trí, chức trách đảm nhiệm.

3. Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều 26 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.”

3. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Thủ tục cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

1. Hồ sơ cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Hồ sơ điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp gồm:

a) Công văn đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Bản sao giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (kèm theo bản chính để đối chiếu).

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải xem xét hồ sơ và điều kiện của tổ chức, đơn vị vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp để tiến hành cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; trường hợp không cấp, điều chỉnh giấy phép thì phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.”

4. Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 6. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

1. Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có kho, địa điểm tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp vận chuyển đến thực hiện việc cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cho cơ quan, đơn vị có nhu cầu; trường hợp cơ quan Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi có vật liệu nổ công nghiệp vận chuyển đi hoặc nơi có trụ sở cơ quan, tổ chức quản lý phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển thì phải có văn bản xác nhận về điều kiện tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp của cơ quan Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội nơi có kho, địa điểm tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp vận chuyển đến.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đối với trường hợp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài vào Việt Nam và các trường hợp đặc biệt khác.”

5. Bổ sung Điều 6a vào sau Điều 6 như sau:

“Điều 6a. Thu hồi giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

1. Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

b) Doanh nghiệp được cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp do đã giả mạo hồ sơ để được cấp;

c) Doanh nghiệp được cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp được quy định như sau:

Người có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp quy định tại Điều 6 Thông tư này và cấp trên trực tiếp của người đó có thẩm quyền thu hồi giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.”

6. Khoản 4 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội quyết định hoặc ủy quyền cho Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tạm ngừng cấp giấy phép hoặc tạm ngừng hiệu lực thi hành của giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp khi có yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong các hoạt động cấp quốc gia hoặc ở những khu vực có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an ninh, trật tự.”

7. Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Chỉ tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp theo giấy phép vận chuyển do cơ quan Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có thẩm quyền cấp.”

8. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau:

a) Mẫu VC02 (Giấy đăng ký tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp) thay thế mẫu VC02 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA;

b) Mẫu VC02A (Giấy đăng ký tiếp nhận vật liệu nổ công nghiệp) thay thế mẫu VC02A ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA;

c) Mẫu VC03 (Đơn đề nghị cấp giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp) thay thế mẫu VC03 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA;

d) Mẫu VC04 (Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp) thay thế mẫu VC04 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA;

đ) Mẫu VC05 (Báo hiệu phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp) thay thế mẫu VC05 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 3 năm 2014.

Bãi bỏ Điều 4, 5, 6, khoản 4 Điều 7, khoản 3 Điều 8 Thông tư số 35/2010/TT-BCA và các biểu mẫu: VC02, VC02A, VC03, VC04, VC05 ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BCA.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Các Tổng cục trưởng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự, an toàn xã hội) để kịp thời hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Các đ/c Thứ trưởng BCA;
- Các Tổng cục, Bộ Tư lệnh, đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Cảnh sát PCCC;
- Công báo;
- Lưu: VT, V19, C61(C64).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Trần Đại Quang